TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **48/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/05/2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 804/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Xuân N, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ M, ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Hồ Tú S, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân N trình bày:

Bà và ông Hồ Tú S kết hôn vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là Hồ Minh T, sinh ngày 05/8/1999 và Hồ Nhật Q, sinh ngày 06/10/2006. Ly hôn, con chung Hồ Minh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nhật Q, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Tú S vắng mặt nên không có ý kiến.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Hồ Nhật Q sinh ngày 06/10/2006 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Hồ Tú S, nhưng ông S vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Xuân N và ông Hồ Tú S kết hôn vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện trong quá trình chung sống giữa bà N và ông S có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, xét các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phạm Thị Xuân N và ông Hồ Tú S là có thật. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện cho bà N và ông S hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết xin ly hôn còn ông S vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, ông S có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với bà N. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N và ông S có 02 con chung là Hồ Minh T, sinh ngày 05/8/1999 và Hồ Nhật Q, sinh ngày 06/10/2006. Ly hôn, con chung Hồ Minh T đã trưởng thành nên không xem xét. Theo nội dung khởi kiện, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nhật Q không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập làm việc đối với ông S để ông S có ý kiến về nội dung khởi kiện của bà N, trong đó có vấn đề về con chung, tuy nhiên ông S không đến tòa làm việc và không có ý kiến, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do bà N cung cấp cũng như các chứng cứ do tòa án thu thập để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, theo ý kiến của cháu Hồ Nhật Quý trình bày tại bản tự khai thể hiện cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với bà N. Do đó, giao cháu Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mặt thể chất cũng như tinh thần cho cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà N trình bày giữa bà và ông S không có tài sản chung và không có nợ chung. Ông S vắng mặt và không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 5, 6, 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân N về việc "tranh chấp ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Xuân N được ly hôn với ông Hồ Tú S.

Về con chung: Giao con chung Hồ Nhật Q, sinh ngày 06/10/2006 cho bà Phạm Thị Xuân N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời ông Hồ Tú S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Hồ Tú S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị Xuân N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp tại biên lai thu số 0001371 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (Đã nộp xong).

Bà Phạm Thị Xuân N và ông Hồ Tú S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND huyện Long Thành (2)
- UBND xã P (01)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)

Nguyễn Hữu Ngọc